



diǎn zi

点子

Noun · idea

Example Sentences

wǒ yǒu yí gè hǎo diǎn zi
我有一个好点子。

I have a good idea.

zhè ge diǎn zi zhēn bù cuò wǒ men kě yǐ shì shì kàn
这个点子真不错，我们可以试试看。

This idea is really good; we can give it a try.

tā zǒng néng zài guān jiàn shí kè xiǎng chū jiě jué wèn tí de diǎn zi
他总能在关键时刻想出解决问题的点子。

He always comes up with ideas to solve problems at critical moments.

Trace each character, then write the word on your own.

点	点	点	点	点	点	点	点	点	点	点
点										
子	子	子	子	子	子					